

SỐ: T2/2026



BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

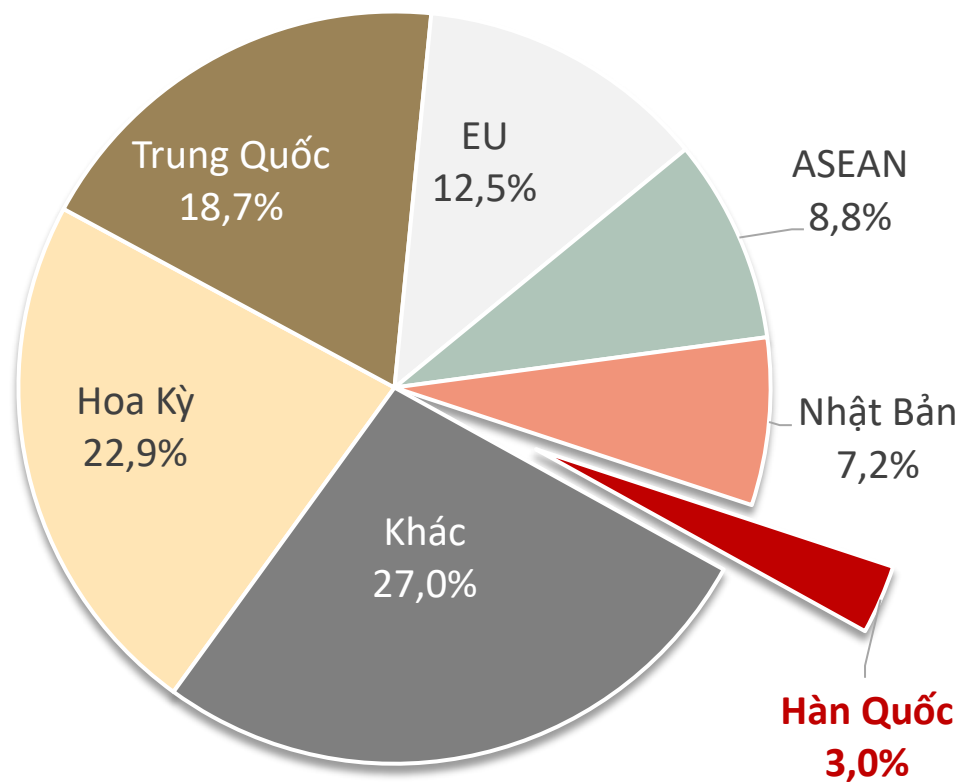
THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

Thực hiện bởi: 



TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC THÁNG 1/2026

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026

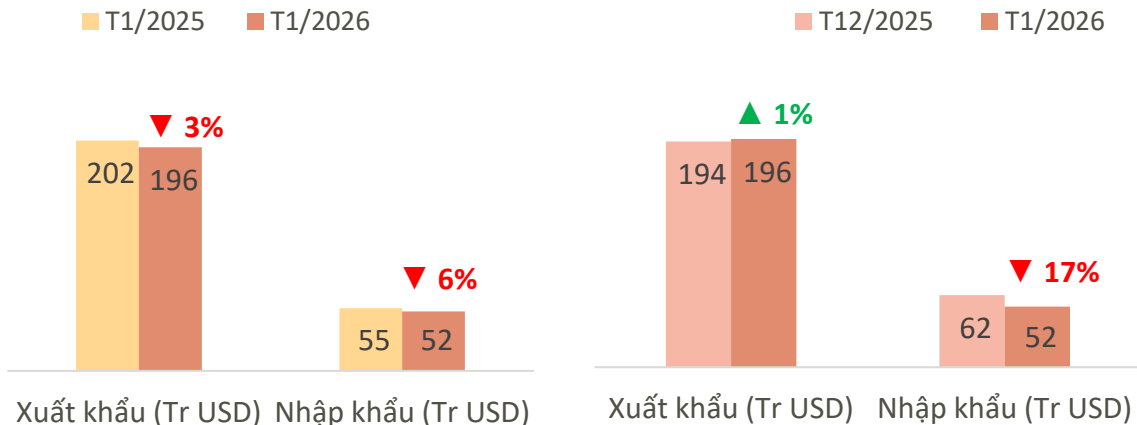


Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS thị trường Hàn Quốc, T1/2026 so với T12/2025 và T1/2025

Thị trường	Giá trị (triệu USD)	So với T12/2025	So với T1/2025
Hoa Kỳ	1.230	▼ 0,5%	▼ 3,3%
Trung Quốc	1.506	▼ 2,9%	▲ 5,0%
EU	824	▲ 0,8%	▲ 0,3%
ASEAN	578	▲ 1,6%	▲ 0,6%
Nhật Bản	474	▲ 0,9%	▼ 0,5%
Hàn Quốc	196	▲ 0,1%	▼ 1,1%
Tổng giá trị XK NLTS (triệu USD)			6.583

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC THÁNG 1/2026

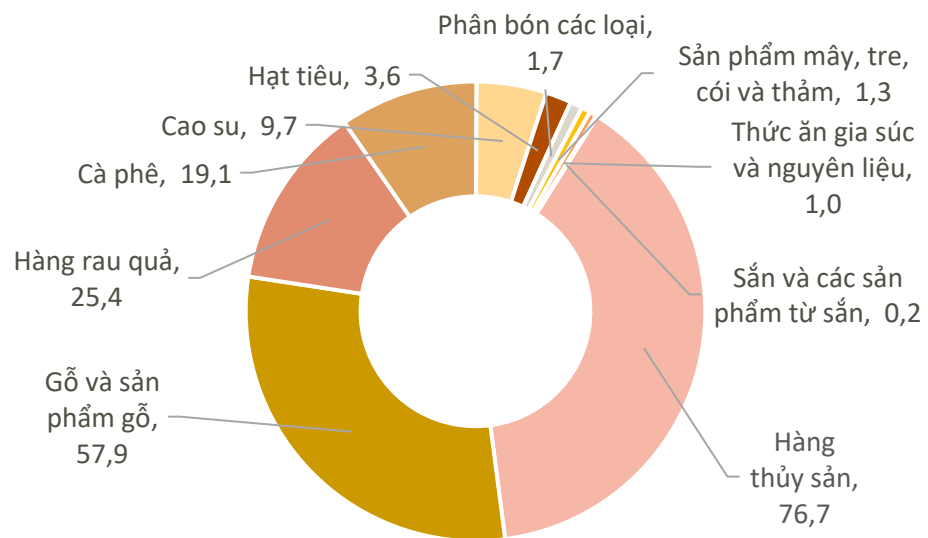
Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS VN– Hàn Quốc T1/2026



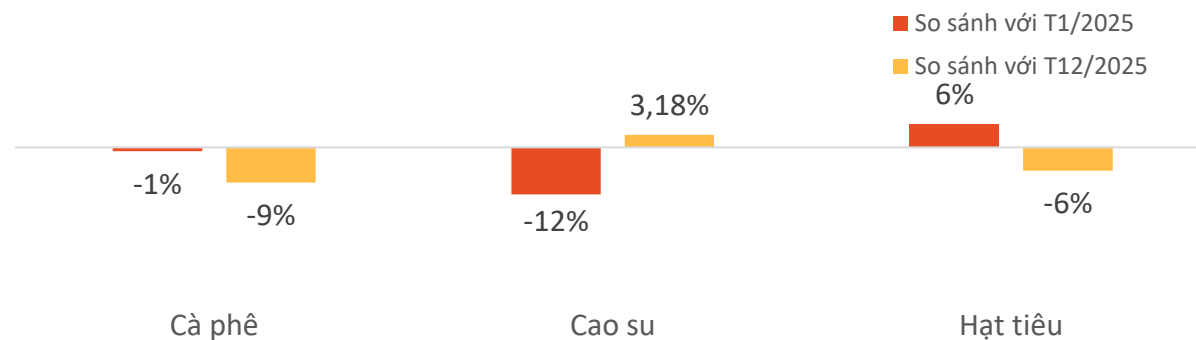
Biến động giá trị xuất khẩu NLTS chính sang Hàn Quốc T1/2026 so với T12/2025



Kim ngạch xuất khẩu NLTS chính sang Hàn Quốc T1/2026



Biến động giá xuất khẩu bình quân của một số sản phẩm NLTS chính sang Hàn Quốc T1/2026 so với T12/2025 và T1/2025





Hàn Quốc đặt mục tiêu mở rộng xuất khẩu lên mức cao kỷ lục 740 tỷ USD

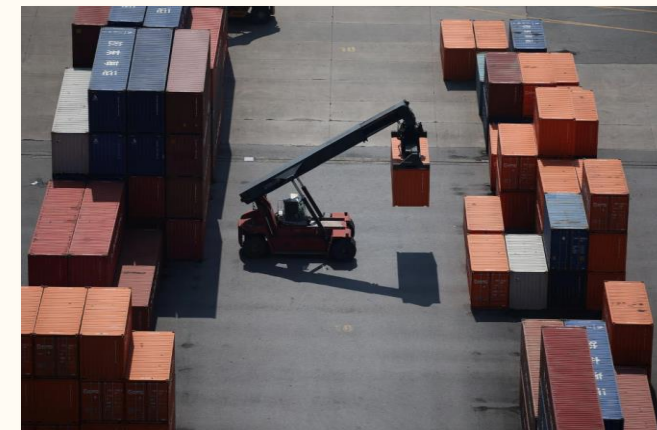
Năm 2026 Chính phủ Hàn Quốc đã công bố chiến lược thúc đẩy xuất khẩu, đặt mục tiêu nâng kim ngạch lên 740 tỷ USD, vượt mức kỷ lục 709,7 tỷ USD năm 2025. Chiến lược tập trung phát triển 8 lĩnh vực xuất khẩu chủ lực gồm hàng tiêu dùng, thiết bị điện, y sinh học, quốc phòng, điện hạt nhân, ô tô, đóng tàu và thép nhằm giảm phụ thuộc vào chất bán dẫn và mở rộng sang các thị trường mới như Trung Đông và Mỹ Latinh. Đồng thời, Hàn Quốc tăng cường hỗ trợ tài chính và bảo hiểm thương mại, đặc biệt cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhằm ứng phó với bất ổn thương mại toàn cầu và thúc đẩy đa dạng hóa xuất khẩu.

Nguồn: baocaovien.vn

Xuất khẩu của Hàn Quốc tăng tháng thứ 9 liên tiếp

Xuất khẩu của Hàn Quốc tiếp tục tăng mạnh trong tháng 2, đánh dấu tháng tăng trưởng thứ 9 liên tiếp và vượt dự báo, chủ yếu nhờ tăng trưởng của ngành bán dẫn trong bối cảnh đầu tư toàn cầu vào trí tuệ nhân tạo (AI) gia tăng. Kim ngạch xuất khẩu đạt 67,45 tỷ USD, tăng 29% so với cùng kỳ, trong khi nhập khẩu tăng 7,5%, đưa thặng dư thương mại lên 15,51 tỷ USD. Xuất khẩu chip tăng 160,9%, vượt 20 tỷ USD trong ba tháng liên tiếp, phản ánh nhu cầu mạnh từ các trung tâm dữ liệu và ứng dụng AI. Tuy nhiên, thương mại của Hàn Quốc vẫn đối mặt với rủi ro từ các biện pháp thuế quan của Hoa Kỳ và những bất ổn thương mại toàn cầu.

Nguồn: vneconomy.vn





THỦY SẢN

Giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026

KIM NGẠCH

\$
76,7
triệu USD

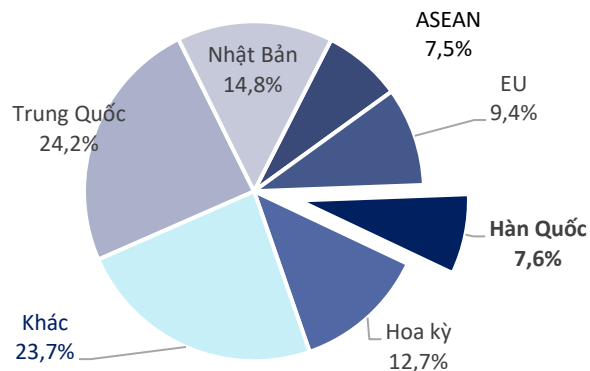
↘ Giảm **3%** so với T12/2025

↗ Tăng **25%** so với T1/2025

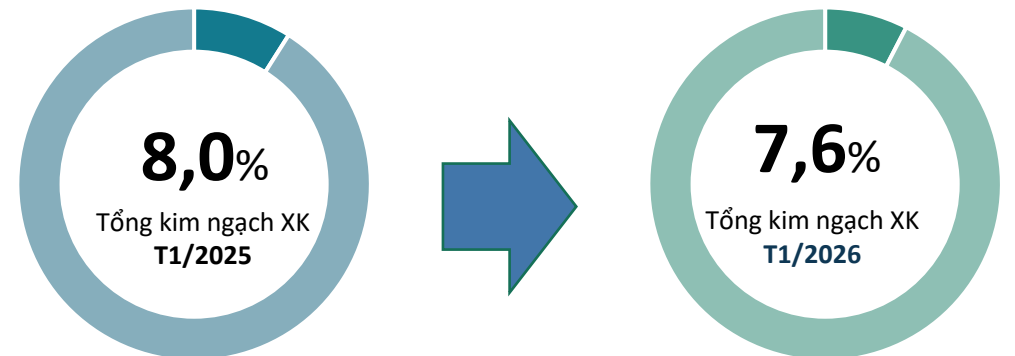
▲ Cao hơn **4,7 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

» Lũy kế 1 tháng 2026 đạt **9%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



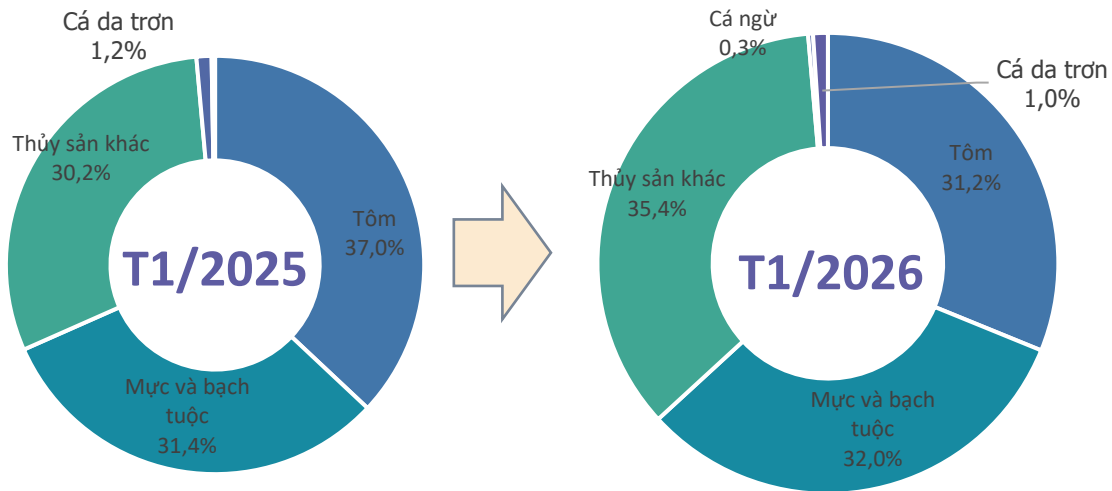
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản VN sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026





THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản XK sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Tôm

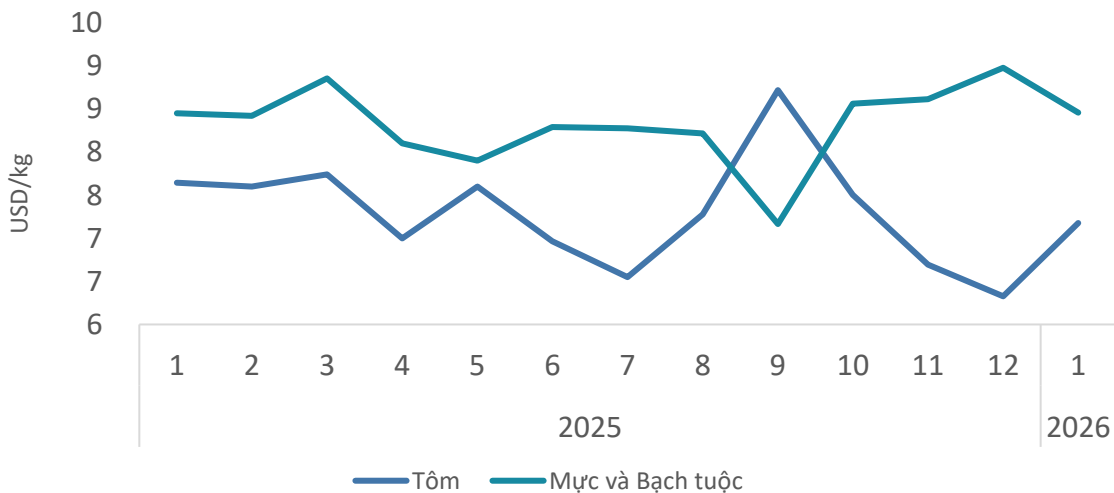
Kim ngạch: **23,9** Triệu USD
Giảm 18,7% so với T12/2025
Tăng 5,0% so với T1/2025



Mực và Bạch tuộc

Kim ngạch: **24,6** Triệu USD
Giảm 10,3% so với T12/2025
Tăng 9,7% so với T1/2025

Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Tôm

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2026 ở mức **7,2** USD/kg; **tăng 14%** so với tháng trước; và **giảm 6%** so với cùng kỳ năm 2025.

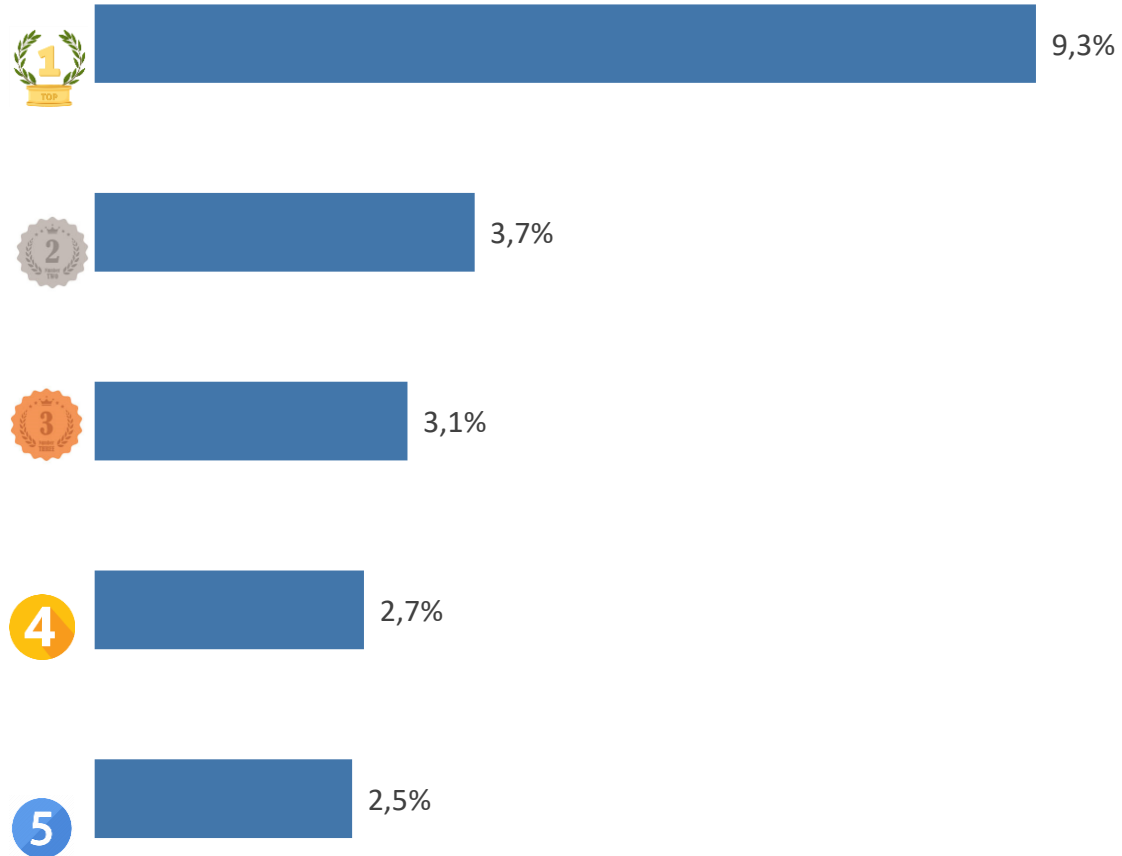
Mực và Bạch tuộc

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2026 ở mức **8,5** USD/kg **giảm 6%** so với tháng trước; và **tăng 0,1%** so với cùng kỳ năm 2025.

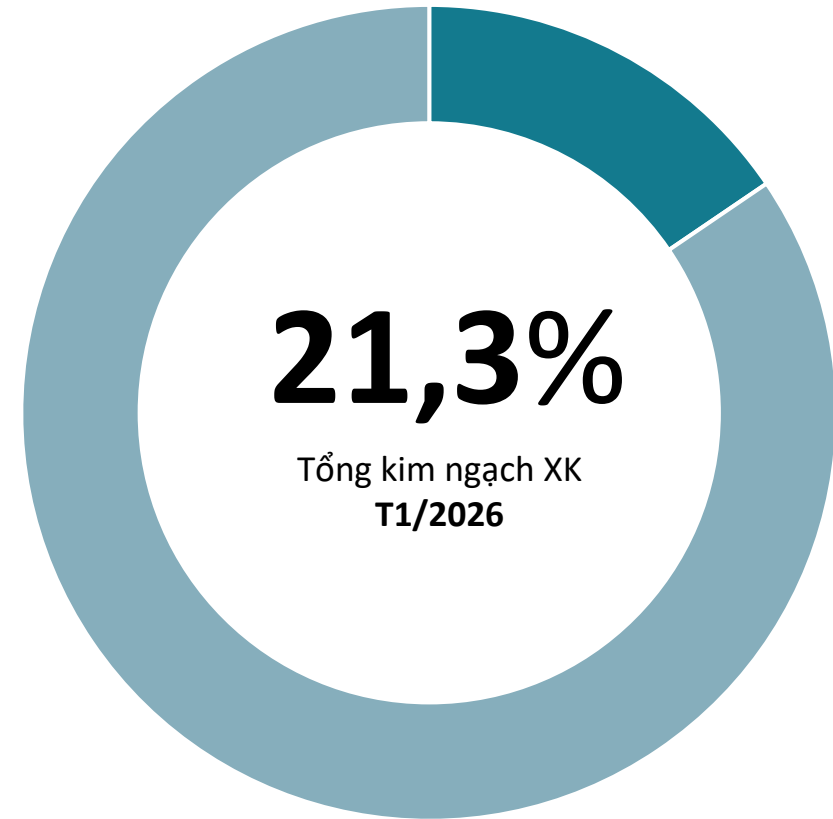


THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu, T1/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu, T1/2026



01

Hàn Quốc công bố kế hoạch 5 năm cải tổ ngành thủy sản

Hàn Quốc vừa công bố kế hoạch 5 năm nhằm cải tổ toàn diện ngành thủy sản, hướng tới mục tiêu đạt sản lượng 4 triệu tấn mỗi năm vào năm 2030, nâng thu nhập bình quân của hộ ngư dân lên 60.000 USD và đưa kim ngạch xuất khẩu hải sản lên 4,2 tỷ USD. Trong Sáng kiến Phát triển Ngành Thủy sản và Làng chài 2030, Bộ Đại dương và Thủy sản Hàn Quốc nhấn mạnh định hướng xây dựng hệ thống khai thác bền vững, chuyển mạnh sang nuôi trồng thủy sản giá trị cao, đẩy mạnh chế biến và mở rộng chuỗi cung ứng toàn cầu.

Một trong những giải pháp trọng tâm là tái cơ cấu đội tàu khai thác, loại bỏ tàu hiệu quả thấp và giảm quy mô đội tàu từ 60.000 xuống còn 40.000 chiếc vào năm 2030 nhằm nâng hiệu quả hoạt động. Bên cạnh đó, Hàn Quốc cũng thúc đẩy nuôi trồng ngoài khơi, phát triển các loài thích ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu, đồng thời triển khai chính sách hỗ trợ thanh niên, nhà ở và phúc lợi để hồi sinh các làng chài. Chính phủ kỳ vọng kế hoạch này sẽ tạo nền tảng cho ngành thủy sản phát triển bền vững, nâng cao thu nhập ngư dân và đóng góp lớn hơn cho tăng trưởng.

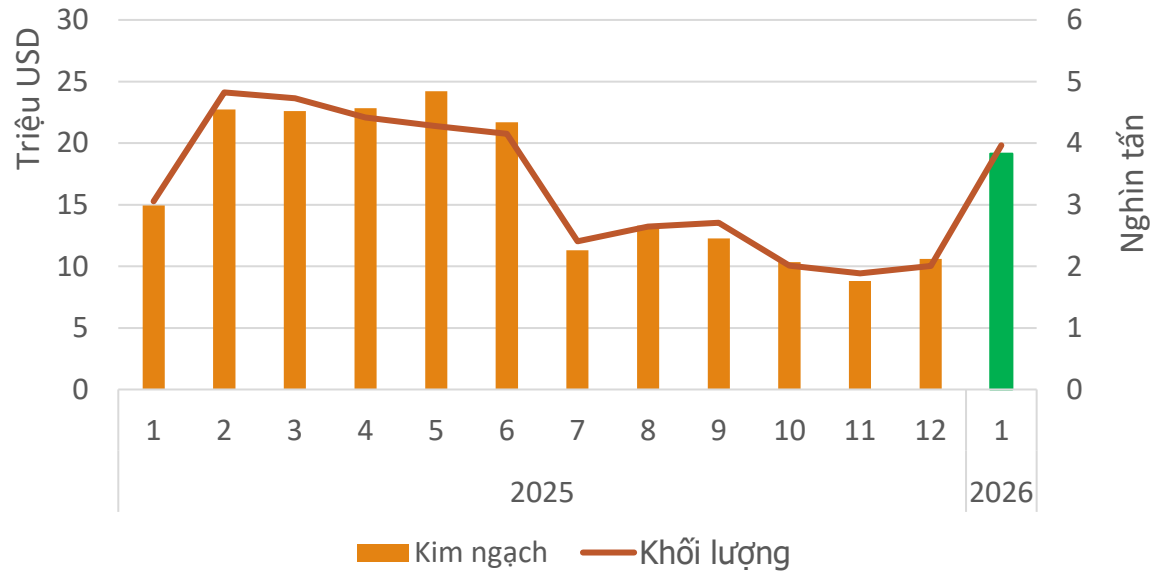


Tin liên quan



CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Kết quả xuất khẩu cà phê VN sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026

KIM NGẠCH

19,1 triệu USD

↗ Tăng **81%** so với T12/2025

↘ Tăng **28%** so với T1/2026

↘ Cao hơn **2,8 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Giá trị xuất khẩu T1/2026 đạt **19,1** tr.USD, đạt **10%** kim ngạch 2025.

KHỐI LƯỢNG

4 nghìn tấn

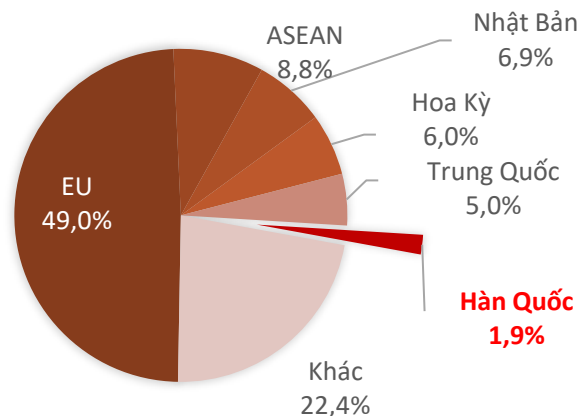
↘ Tăng **98%** so với T12/2025

↘ Tăng **30%** so với T1/2026

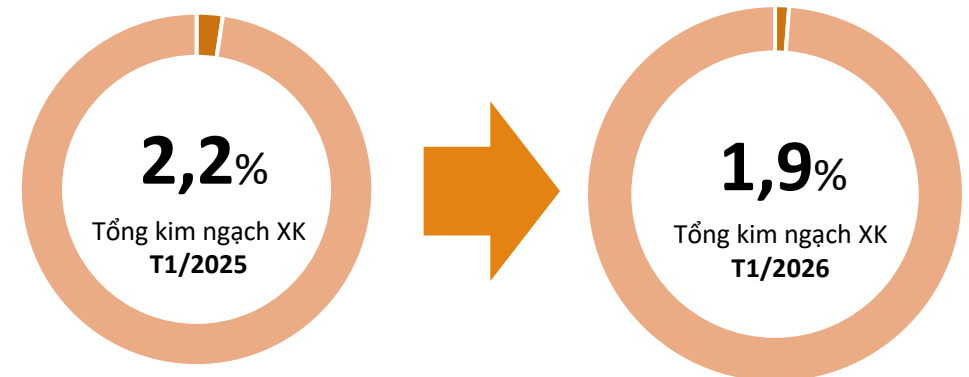
↘ Cao hơn **0,7 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Khối lượng xuất khẩu T1/2026 đạt **4** nghìn tấn, đạt **10%** lượng năm 2025.

Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



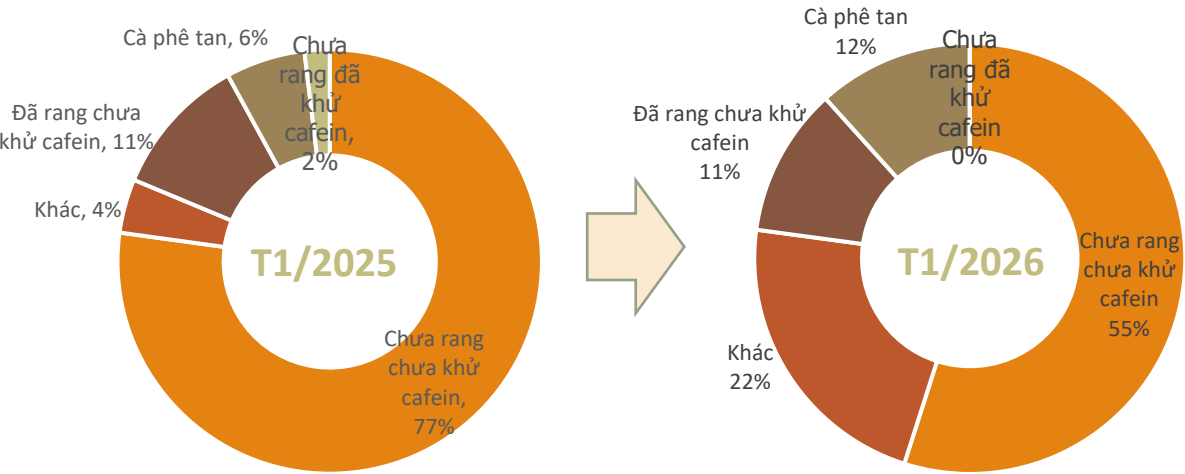
Biến động tỷ trọng giá trị cà phê VN sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



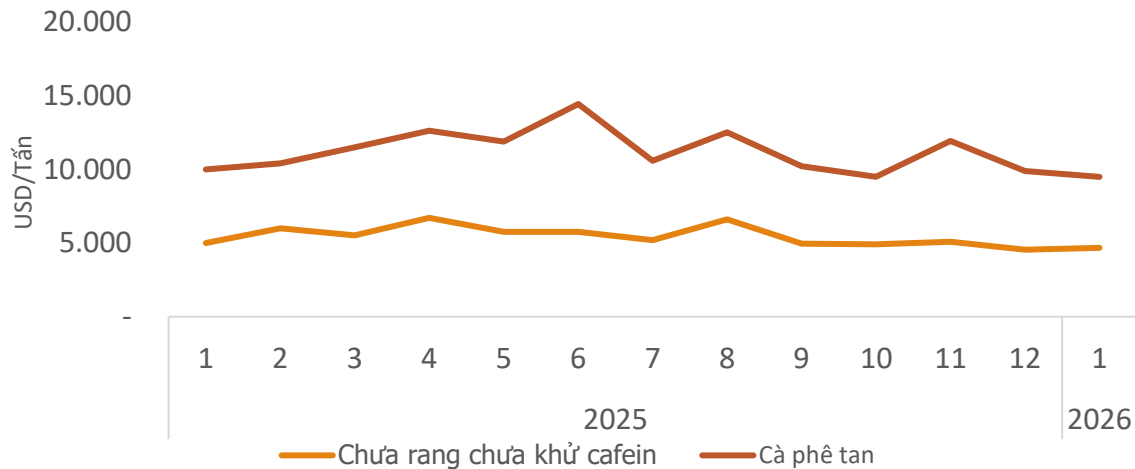


CÀ PHÊ

Cơ cấu chủng loại cà phê XK sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Chưa rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **6,1** Triệu USD
Giảm **10%** so với T12/2025
Giảm **47%** so với T1/2025



Cà phê tan

Kim ngạch: **1,3** Triệu USD
Tăng **17%** so với T12/2025
Tăng **44%** so với T1/2025



Đã rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **1,2** Triệu USD
Tăng **13%** so với T12/2025
Giảm **22%** so với T1/2025

Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2026 ở mức **9.494** USD/tấn, **giảm 4%** so với tháng trước, và **giảm 5%** so với cùng kỳ năm 2025.

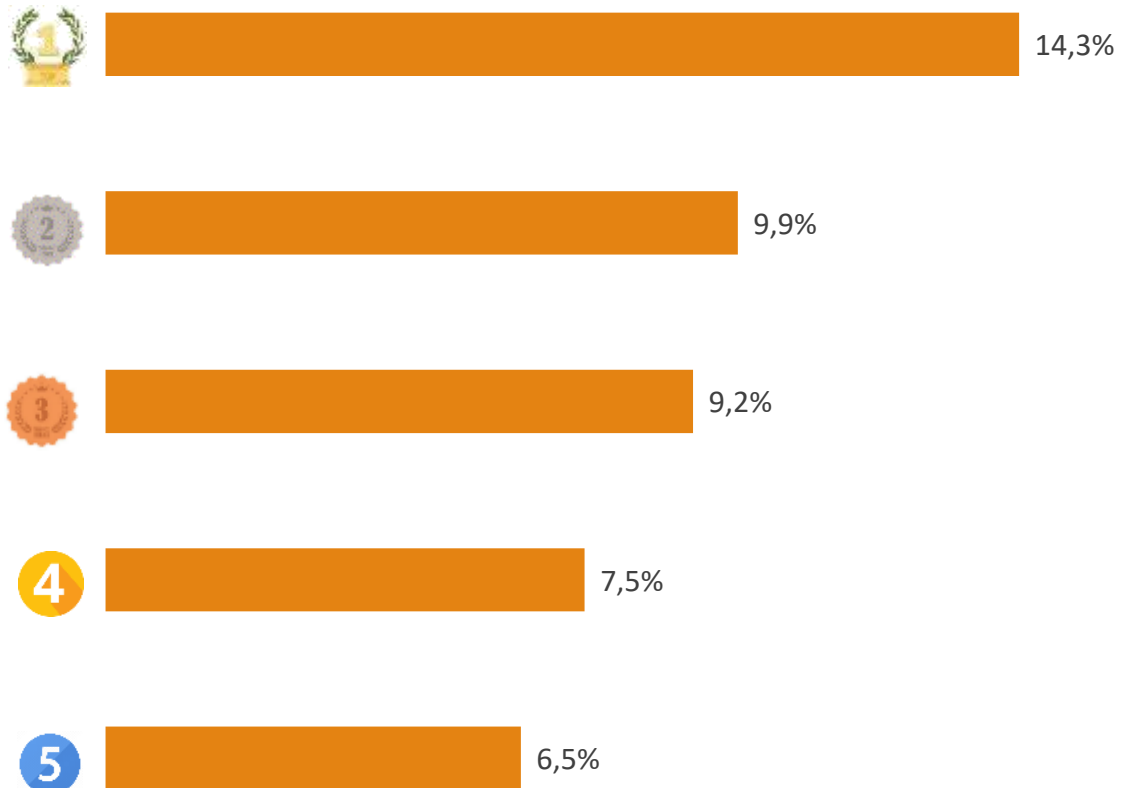
Cà phê chưa rang chưa khử cafein

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2026 ở mức **4.668** USD/tấn, **tăng 3%** so với tháng trước; và **giảm 7%** so với cùng kỳ năm 2025.

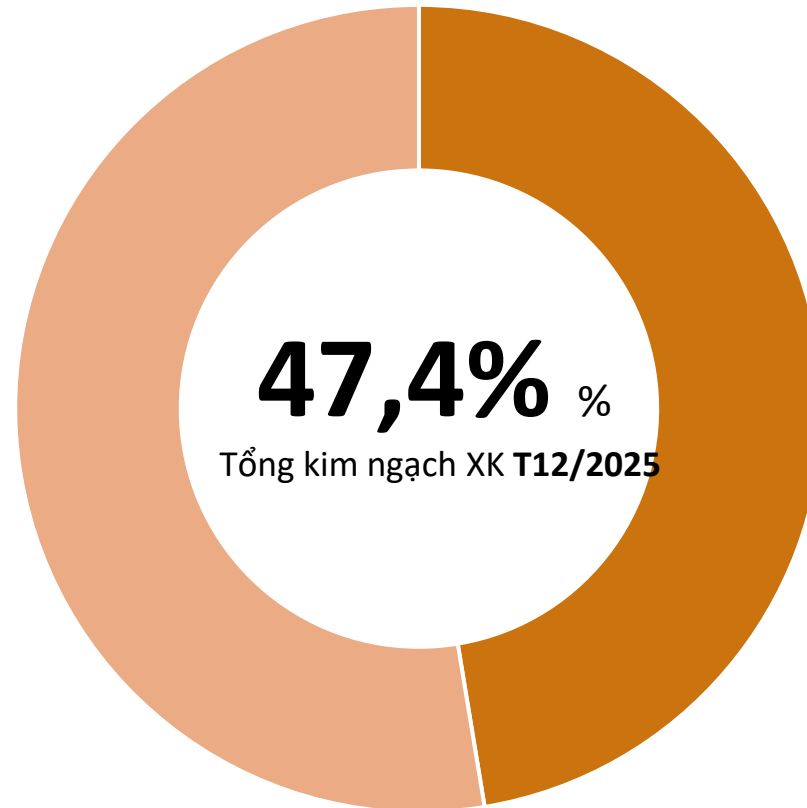


CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cà phê sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê sang thị trường Hàn Quốc, T11/2026





CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG Cà PHÊ HÀN QUỐC



Năm 2025, Hàn Quốc nhập khẩu khoảng 3,60 triệu bao cà phê, gần như không thay đổi so với năm trước, nhưng kim ngạch đạt 1,86 tỷ USD, tăng khoảng 35% do giá cà phê thế giới tăng cao.

Cà phê nhân xanh chiếm khoảng 90% tổng lượng nhập khẩu, trong đó Brazil là nguồn cung lớn nhất, tiếp theo là Colombia và Việt Nam.

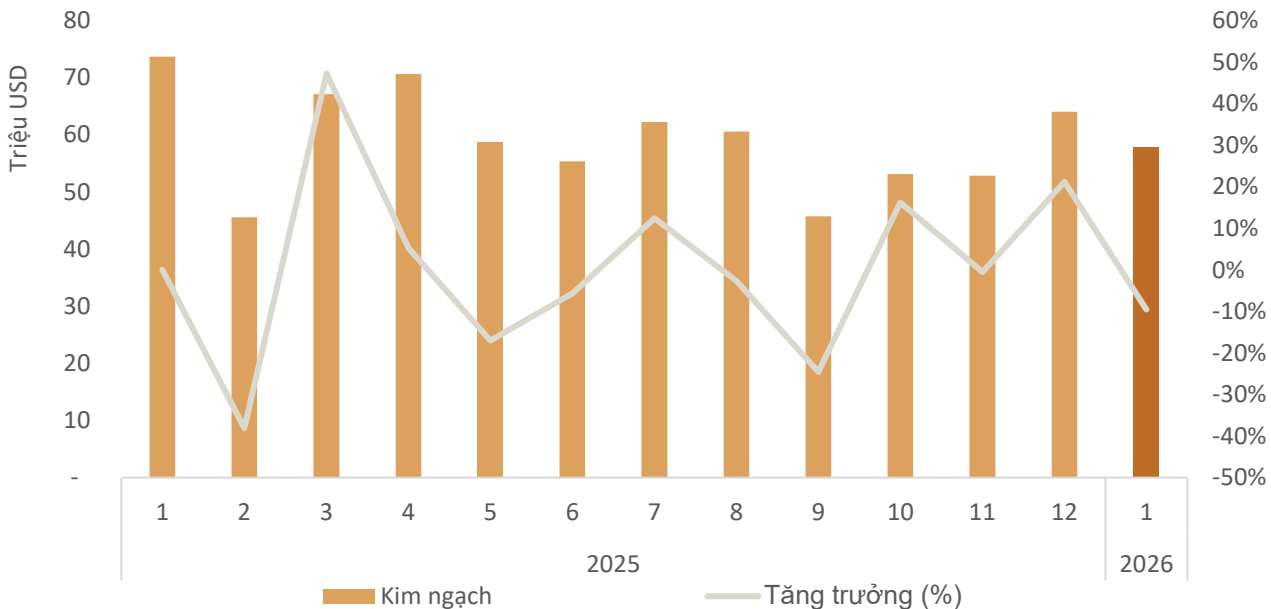
Nhu cầu tiêu thụ cà phê tại Hàn Quốc được dự báo tiếp tục tăng trong dài hạn, nhờ sự phát triển mạnh của văn hóa quán cà phê và mức độ đô thị hóa ngày càng cao.





GỖ VÀ SP GỖ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026

KIM NGẠCH

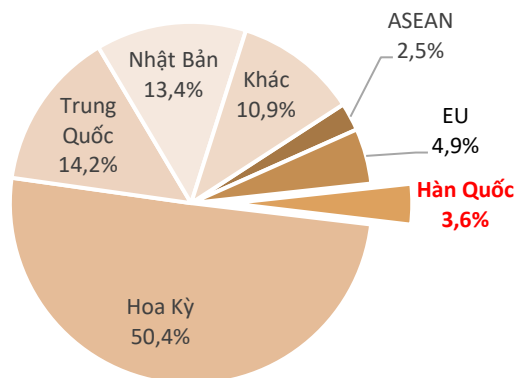


58

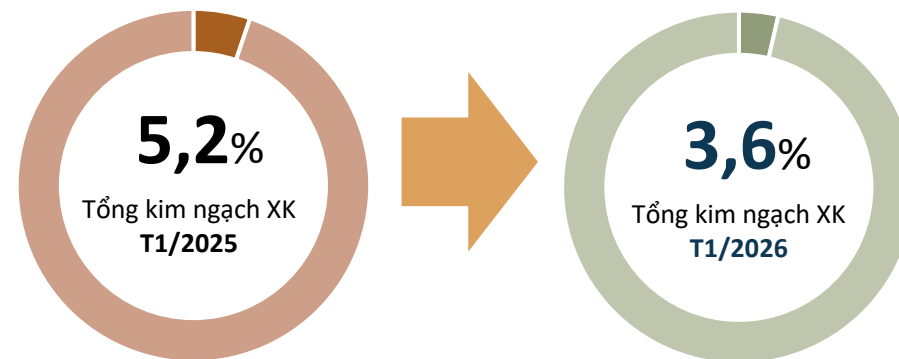
triệu USD

- ↘ Giảm **10%** so với T12/2025
- ↘ Giảm **21%** so với T1/2025
- ↘ Thấp hơn **1,2 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025
- ❖ Giá trị xuất khẩu tháng 1/2026 đạt **8,2%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



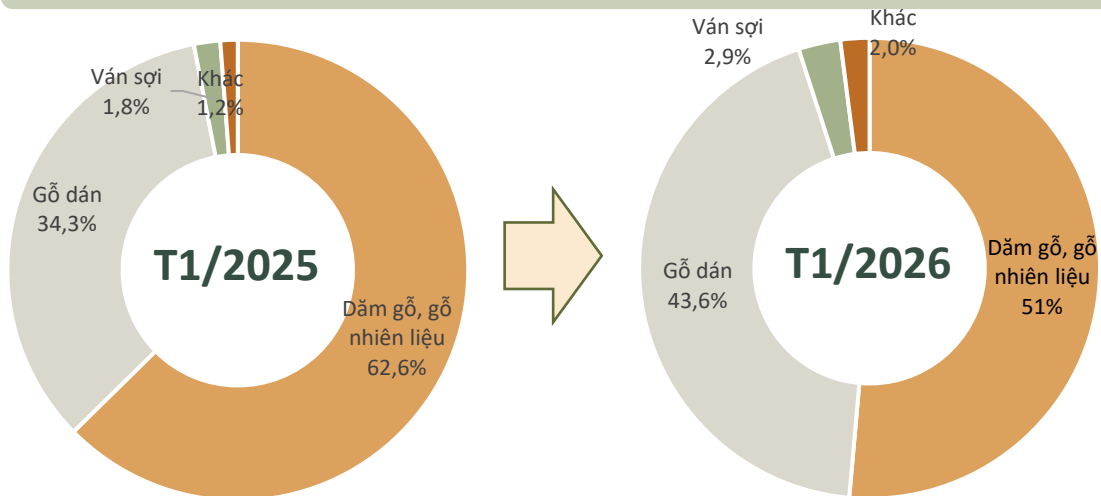
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026





GỖ VÀ SP GỖ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Dăm gỗ

Kim ngạch: **18,4** triệu USD
Giảm **24%** so với T12/2025
Giảm **43%** so với T1/2025



Gỗ dán

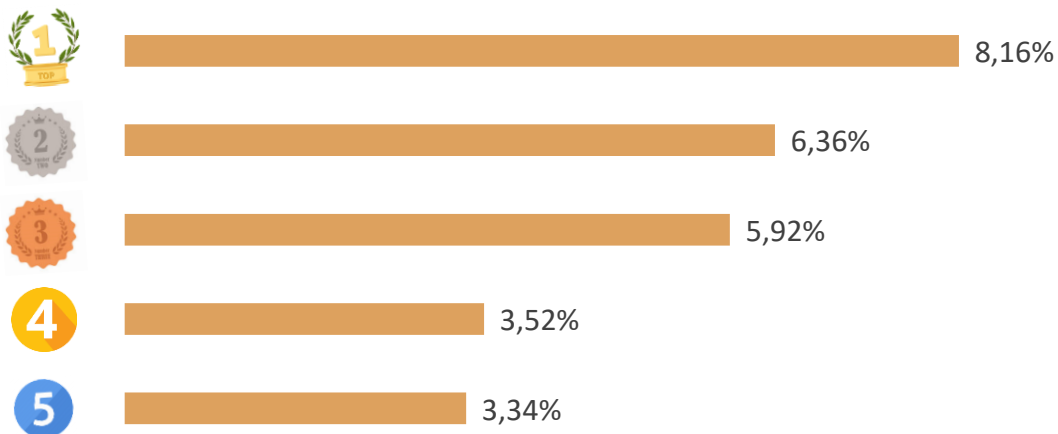
Kim ngạch: **15,6** triệu USD
Giảm **9%** so với T12/2025
Giảm **12%** so với T1/2025



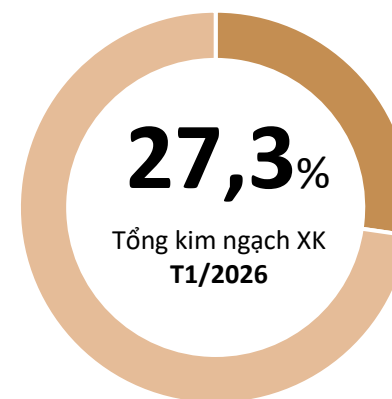
Ván sợi

Kim ngạch: **1,1** triệu USD
Tăng **54%** so với T12/2025
Tăng **10%** so với T1/2025

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026





GỖ VÀ SP GỖ



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SP GỖ HÀN QUỐC

Năm 2025, Hàn Quốc nhập khẩu 3,91 triệu tấn viên nén gỗ, giảm 3% so với năm 2024. Tuy nhiên, do giá nhập khẩu bình quân tăng 15% (145 USD/tấn), tổng trị giá nhập khẩu vẫn tăng 12%, lên 566 triệu USD. Việt Nam tiếp tục là nguồn cung lớn nhất cho thị trường Hàn Quốc, chiếm 37% tổng lượng nhập khẩu, song khối lượng xuất khẩu giảm mạnh 31%, xuống còn 1,44 triệu tấn. Trong khi đó, Indonesia ghi nhận lượng xuất khẩu sang Hàn Quốc tăng 76%, đạt 0,90 triệu tấn; Nga đạt 0,64 triệu tấn, tăng 8%; Canada đạt 0,46 triệu tấn, tăng 32%.

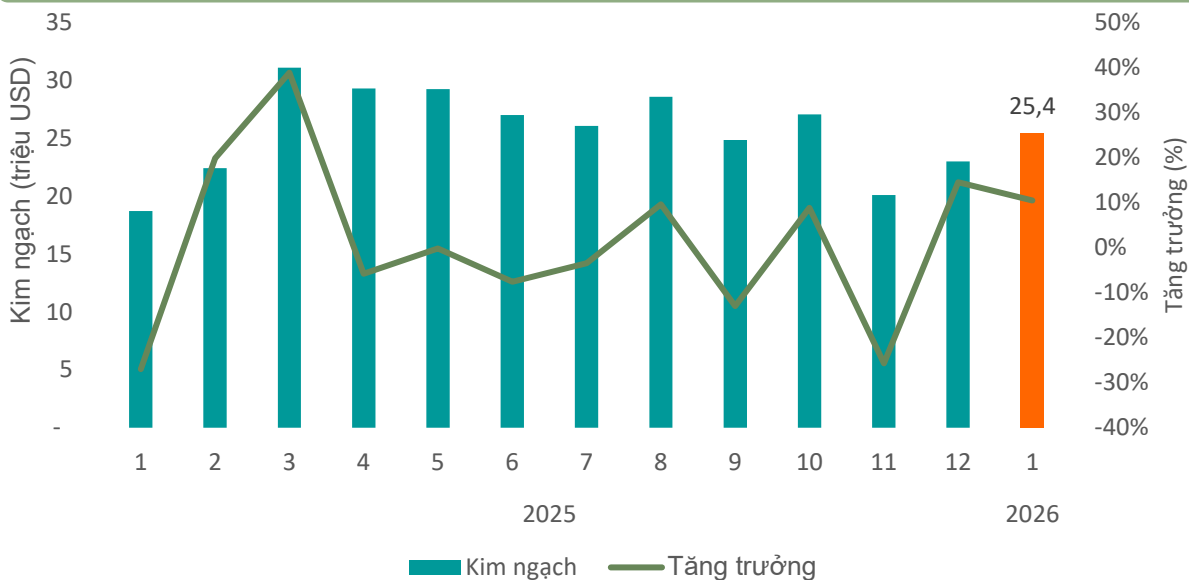
Nhập khẩu viên nén gỗ của Hàn Quốc đã tăng mạnh từ 122 nghìn tấn năm 2012 lên mức đỉnh 4,015 triệu tấn năm 2024, giảm nhẹ xuống 3,908 triệu tấn vào năm 2025. Diễn biến này diễn ra trong bối cảnh Hàn Quốc điều chỉnh các quy định thuộc Cơ chế nghĩa vụ danh mục năng lượng tái tạo (RPS) vào cuối năm 2024, theo hướng từng bước thu hẹp hỗ trợ đối với điện sinh khối, bao gồm chấm dứt hỗ trợ chứng nhận cho các nhà máy điện sinh khối mới, dừng cơ chế hỗ trợ đối với hoạt động đốt than - sinh khối của doanh nghiệp nhà nước từ năm 2025, và loại bỏ dần cơ chế này đối với khu vực tư nhân từ năm 2026.





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026

KIM NGẠCH



25,4

triệu USD

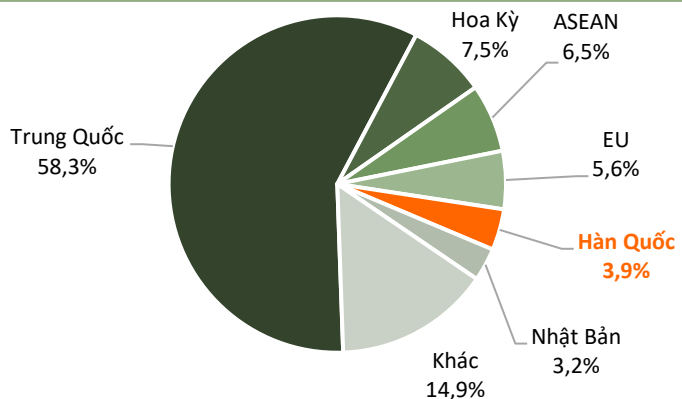
Tăng **10%** so với T12/2025

Tăng **36%** so với T1/2025

Thấp hơn **0,25 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Tháng 1/2026 đạt **25,4 triệu USD**, đạt **8%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026

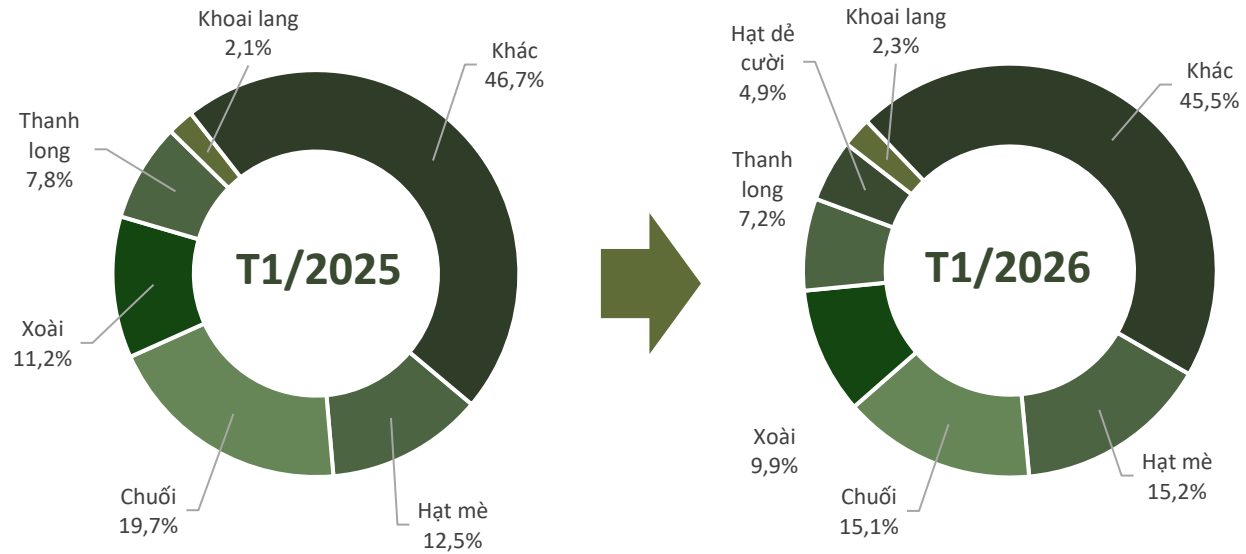


Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Hạt mè

Kim ngạch: **3,9** triệu USD

Giảm **14%** so với T12/2025

Tăng **65%** so với T1/2025



Chuối

Kim ngạch: **3,8** triệu USD

Tăng **3%** so với T12/2025

Tăng **4%** so với T1/2025



Xoài

Kim ngạch: **2,5** triệu USD

Tăng **20%** so với T12/2025

Tăng **19%** so với T1/2025



Thanh long

Kim ngạch: **1,8** triệu USD

Tăng **66%** so với T12/2025

Tăng **25%** so với T1/2025



Hạt dẻ cười

Kim ngạch: **1,2** triệu USD

Tăng **921%** so với T12/2025



Khoai lang

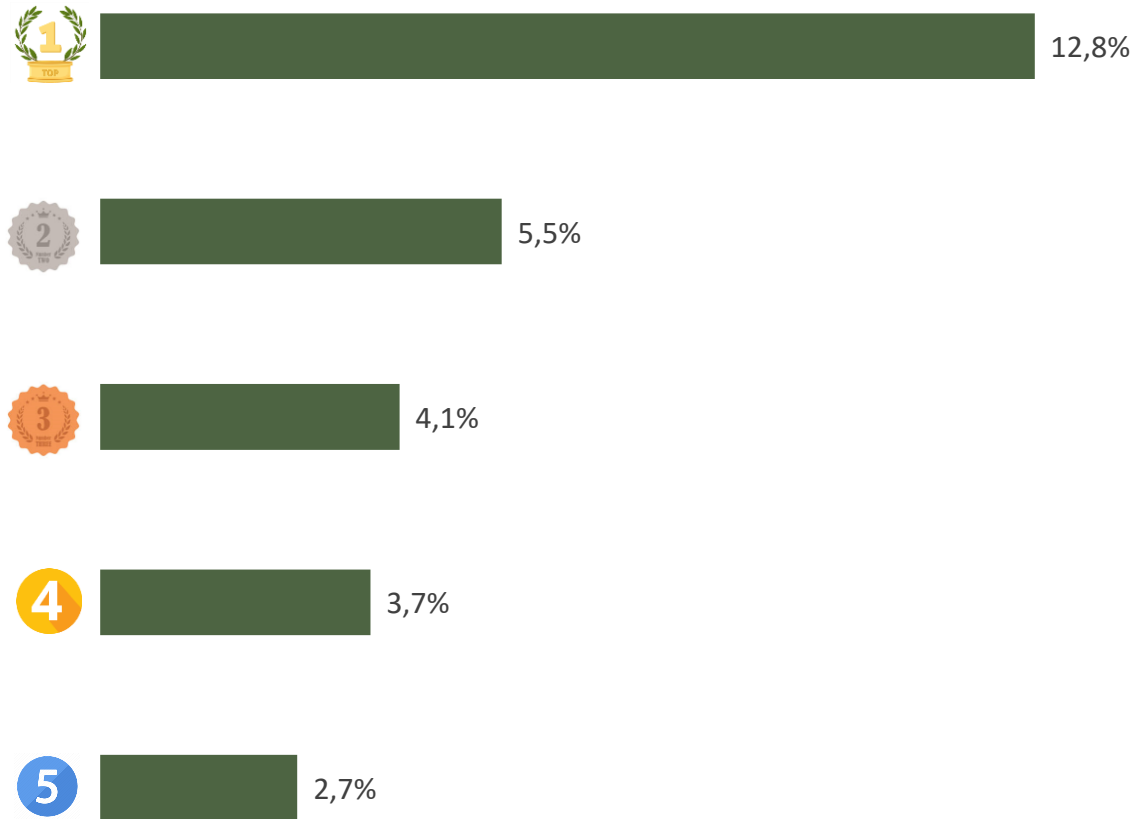
Kim ngạch: **0,59** triệu USD

Tăng **22%** so với T12/2025

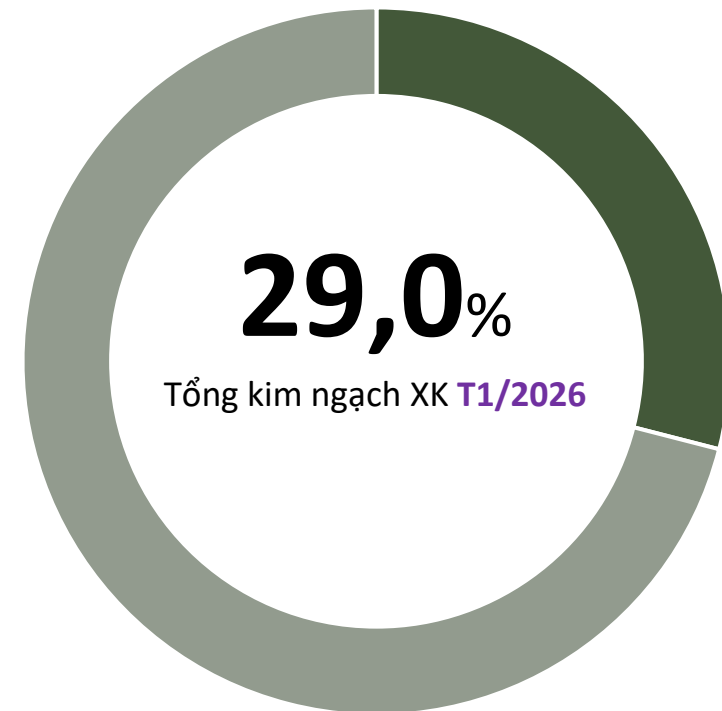
Tăng **51%** so với T1/2025

RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu
sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu
sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc, T1/2026

KIM NGẠCH



5,1
triệu USD

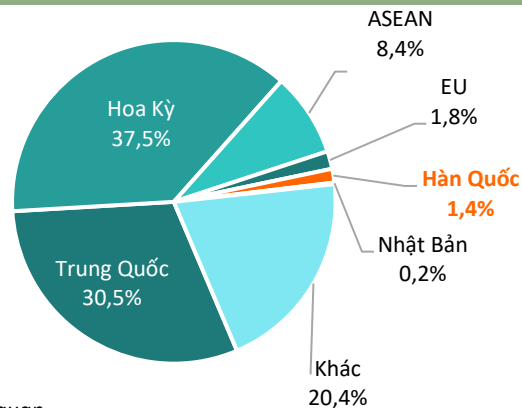
Giảm **21%** so với T12/2025

Giảm **6%** so với T1/2025

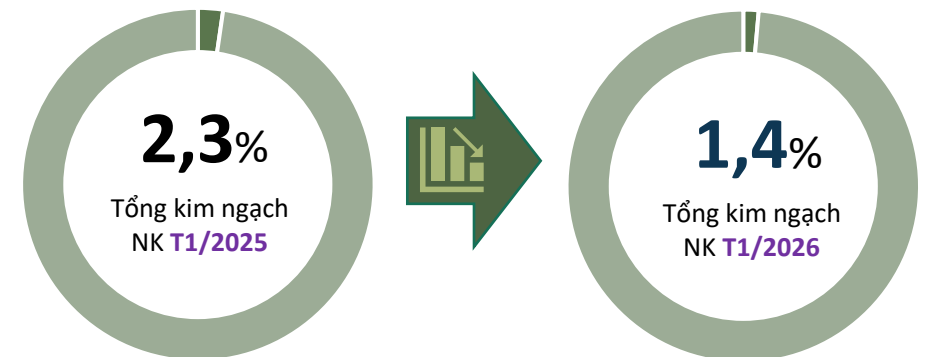
Cao hơn **0,7 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Tháng 1/2026 đạt **5,1 triệu USD**, đạt **10%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc, T1/2026

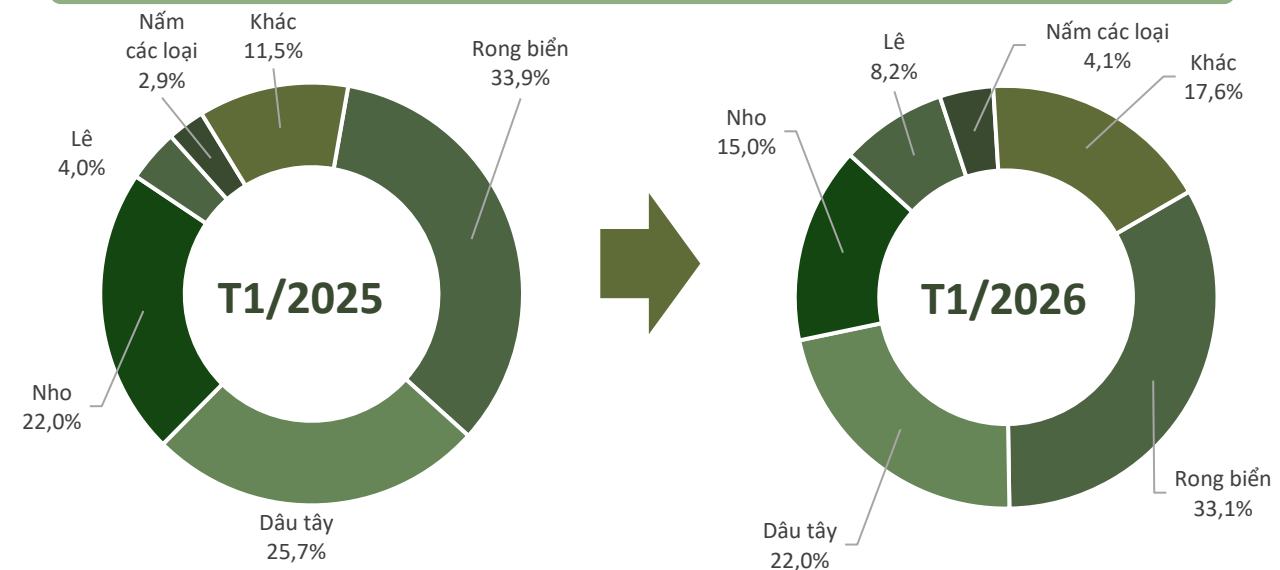


Biến động tỷ trọng giá trị rau quả NK từ thị trường Hàn Quốc, T1/2026



RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Rong biển

Kim ngạch: **1,7** triệu USD
Giảm **24%** so với T12/2025
Giảm **9%** so so với T1/2025



Dâu tây

Kim ngạch: **1,1** triệu USD
Giảm **35%** so với T12/2025
Giảm **20%** so với T1/2025



Nho

Kim ngạch: **768,7** nghìn USD
Giảm **8%** so với T12/2025
Giảm **36%** so với T1/2025



Lê

Kim ngạch: **417,4** nghìn USD
Giảm **30%** so với T12/2025
Tăng **91%** so với T1/2025



Nấm các loại

Kim ngạch: **209,4** nghìn USD
Tăng **25%** so với T12/2025
Tăng **33%** so với T1/2025



Hàn Quốc mở rộng xuất khẩu dâu tây sang Indonesia

Dâu tây Nonsan của Hàn Quốc đang đẩy mạnh mở rộng thị trường sang Indonesia sau khi tham gia Hội chợ Nông sản và Thực phẩm Quốc tế Nonsan 2026 tổ chức tại Jakarta từ ngày 6–8/2. Sự kiện thu hút khoảng 450.000 lượt khách tham quan, trong đó 25 tấn dâu tây bán trực tiếp tại hội chợ đã được tiêu thụ hết, cho thấy nhu cầu cao và tiềm năng phân phối lớn tại thị trường Indonesia.

Sau triển lãm, phía Nonsan dự kiến đưa sản phẩm vào các hệ thống bán lẻ lớn và nền tảng thương mại điện tử tại Indonesia. Khoảng 41 tấn dâu tây đã được ký hợp đồng đặt trước, cùng hơn 16 tấn phân phối qua các kênh bổ sung. Thành phố Nonsan hiện phối hợp với các đối tác Indonesia nhằm hoàn thiện chuỗi lạnh, logistics và đảm bảo nguồn cung ổn định. Đồng thời, sự kiện này cũng được xem là bước chuẩn bị quan trọng cho Hội chợ Công nghiệp Dâu tây Thế giới Nonsan 2027, hướng tới mục tiêu xây dựng thương hiệu dâu tây cao cấp và phát triển xuất khẩu bền vững trên thị trường toàn cầu.



Tin liên quan



Hàn Quốc lên kế hoạch xuất khẩu 15.000 tấn hành tây khi giá giảm

Chính phủ Hàn Quốc đã công bố một loạt biện pháp điều tiết cung – cầu nhằm ổn định thị trường hành tây, trong bối cảnh giá bán buôn tiếp tục giảm. Giá bán buôn hành tây vào cuối tháng 1 đạt bình quân 1.022 won/kg (khoảng 0,76 USD), giảm 27,6% so với cùng kỳ năm trước và thấp hơn 23,3% so với mức trung bình nhiều năm. Áp lực giảm giá xuất phát từ nhu cầu suy yếu và lượng hành tây chất lượng thấp được đưa ra thị trường nhiều hơn.

Theo kế hoạch, Hàn Quốc dự kiến xuất khẩu 15.000 tấn hành tây từ tổng lượng 25.000 tấn đã được thu mua và dự trữ sang Việt Nam, Đài Loan, Nhật Bản, Malaysia..., đồng thời hỗ trợ giảm giá bán lẻ đến 40% để kích cầu trong nước. Các biện pháp siết chất lượng phân phối, kiểm soát nhập khẩu trái phép và dự trữ phần còn lại để ứng phó biến động cũng được áp dụng nhằm ổn định cung – cầu cho cả năm.

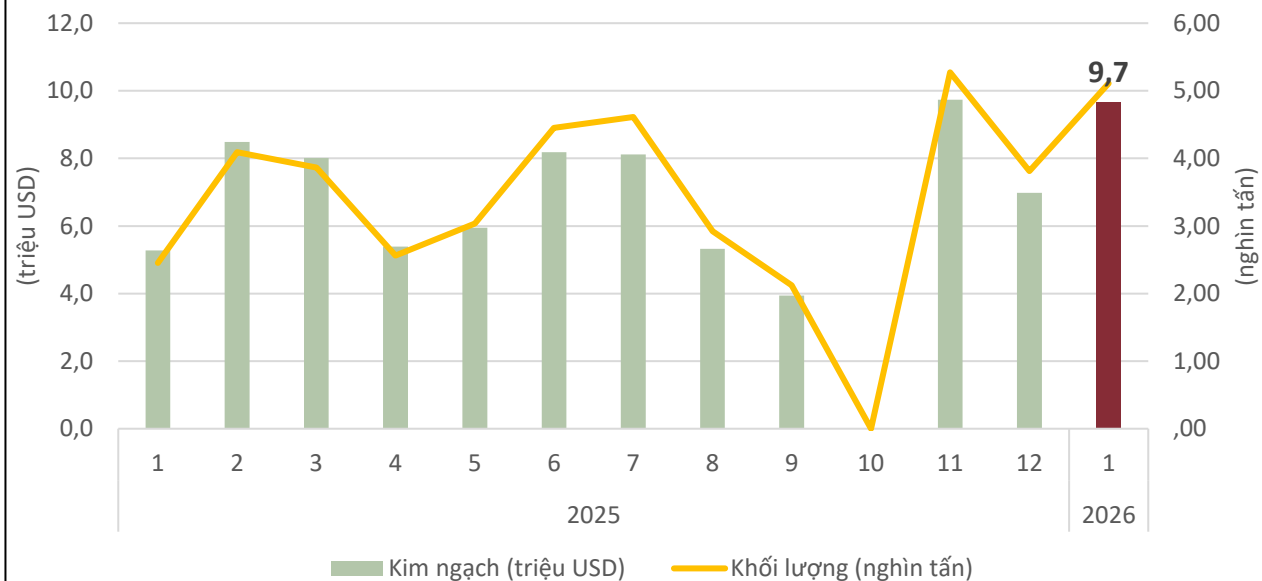


Tin liên quan



CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026

KIM NGẠCH
9,66 triệu USD

↗ Tăng **38%** so với T12/2025

↗ Tăng **83%** so với T1/2025

↑ Cao hơn **2,8 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Tháng 1/2026 đạt **9,7 tr.USD**, đạt **12%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG
5,11 nghìn tấn

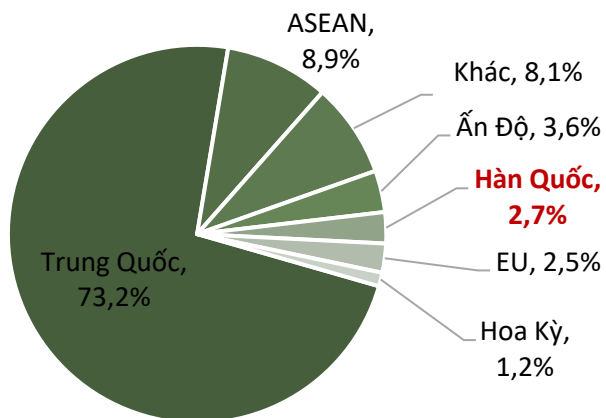
↗ Tăng **34%** so với T12/2025

↗ Tăng **108%** so với T1/2025

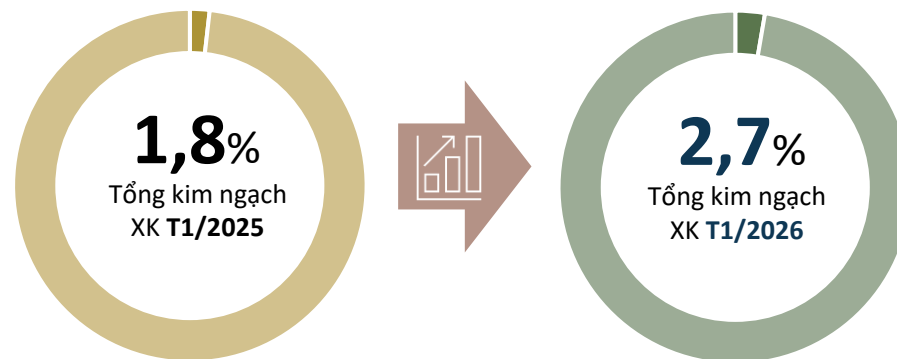
↑ Cao hơn **1,5 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Tháng 1/2026 đạt **5,1 nghìn tấn**, đạt **12%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị cao su của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



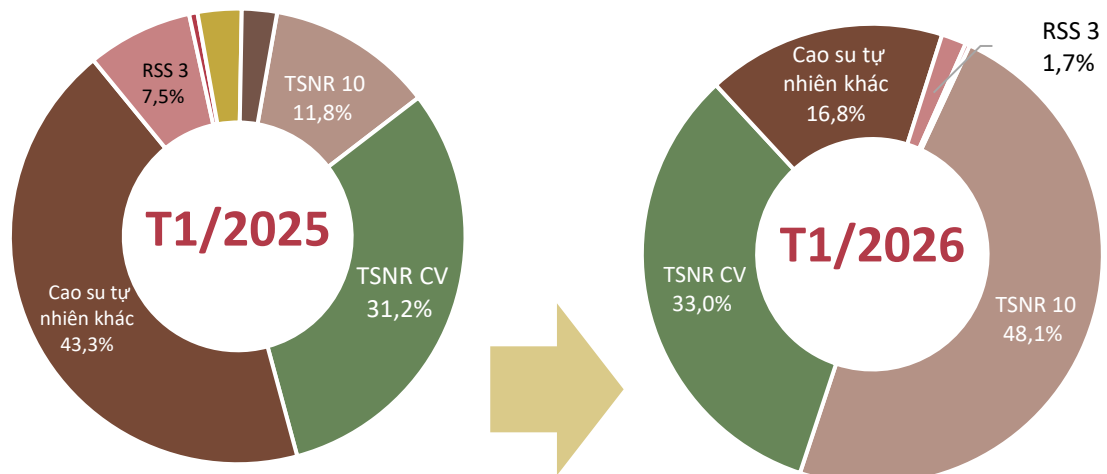
Biến động tỷ trọng giá trị cao su của VN sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026





CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **1,62** triệu USD
 Tăng **42%** so với T12/2025
 Giảm **29%** so với T1/2025



TSNR CV

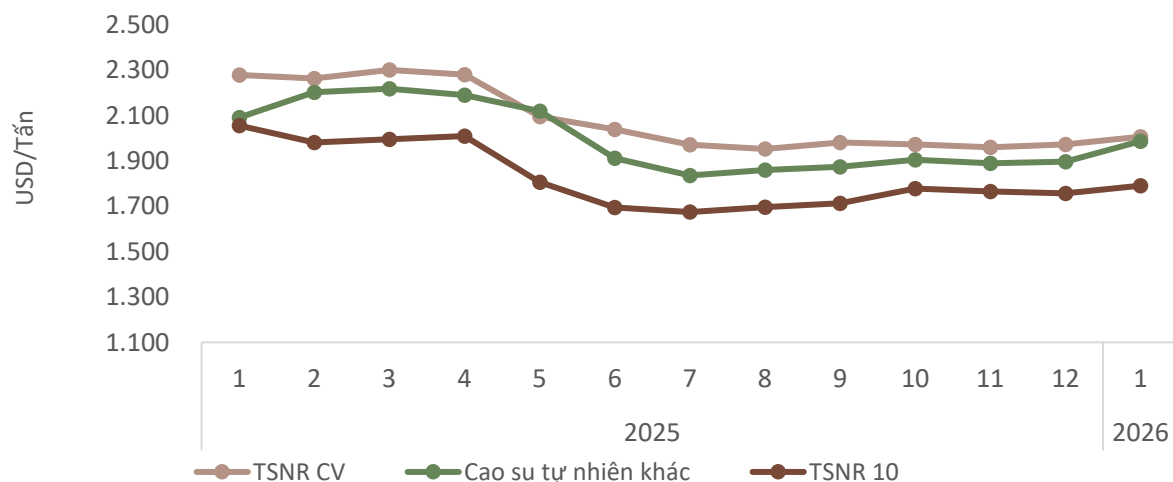
Kim ngạch: **4,65** triệu USD
 Tăng **182%** so với T12/2025
 Tăng **183%** so với T1/2025



TSNR 10

Kim ngạch: **3,12** triệu USD
 Giảm **18%** so với T12/2025
 Tăng **413%** so với T1/2025

Giá cao su Việt Nam XK bình quân sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2026 ở mức **1.987** USD/tấn; **tăng 5%** so với tháng trước; và **giảm 5%** so với cùng kỳ năm 2025.

TSNR CV

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2026 ở mức **2.006** USD/tấn; **tăng 2%** so với tháng trước; và **giảm 12%** so với cùng kỳ năm 2025.

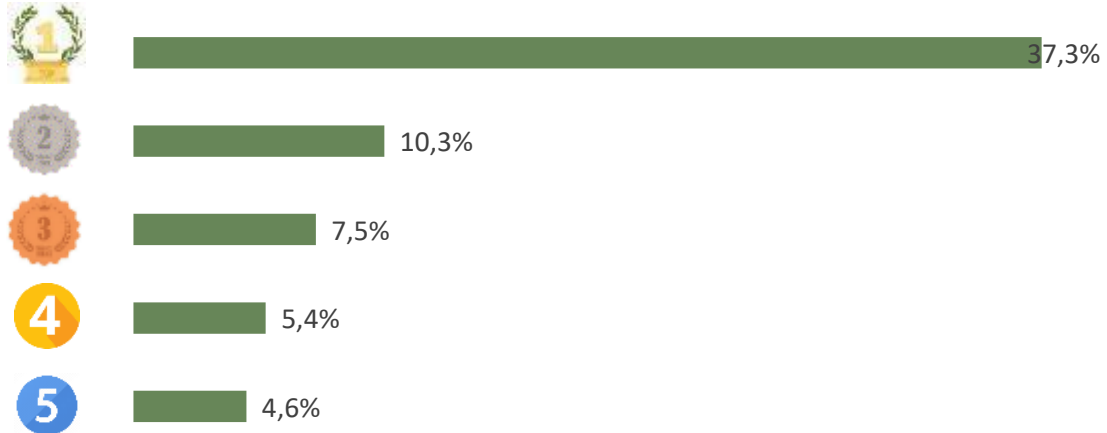
TSNR 10

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2026 ở mức **1.791** USD/tấn **tăng 2%** so với tháng trước; và **giảm 13%** so với cùng kỳ năm 2025.

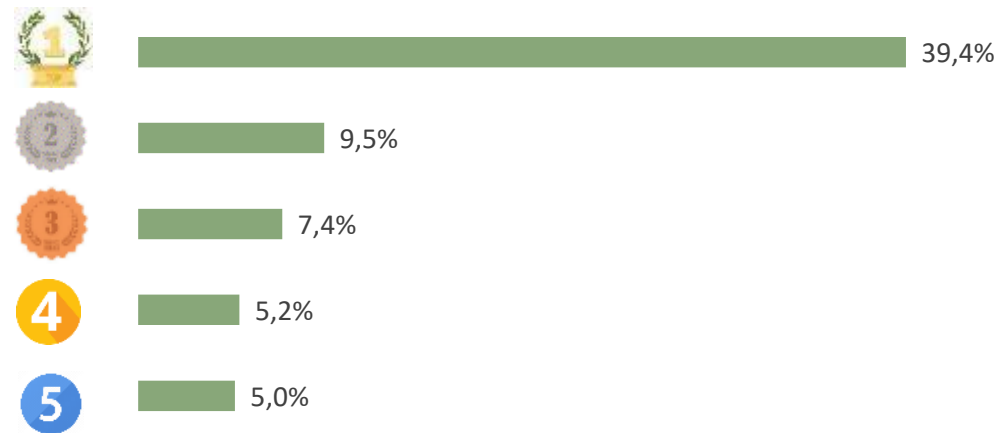


CAO SU

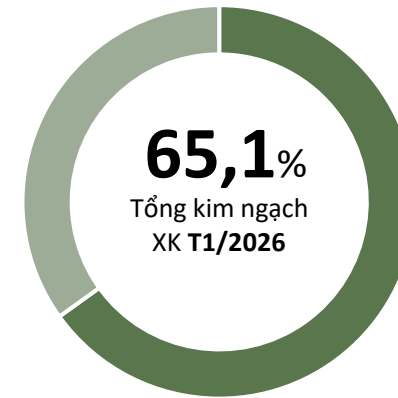
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



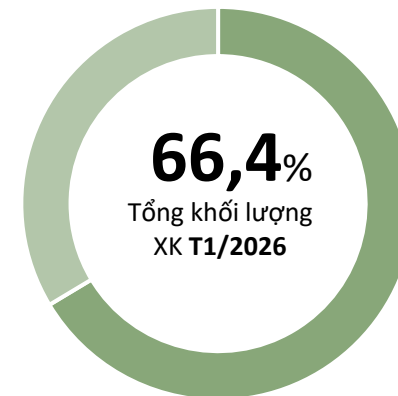
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026





CAO SU

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU HÀN QUỐC



Trong tháng 1/2026, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 9,66 triệu USD với khối lượng 5,11 nghìn tấn. So với tháng 12/2025, kim ngạch tăng 38,3% và khối lượng tăng 34,1%. So với cùng kỳ tháng 01/2025, kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh 83,2% và sản lượng tăng 108,4%. Giá trị xuất khẩu tháng 1/2026 cao hơn 2,8 triệu USD và khối lượng cao hơn 1,5 nghìn tấn so với mức bình quân theo tháng năm 2025.

Hàn Quốc hiện chiếm khoảng 2,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam, tỷ lệ khá khiêm tốn so với Trung Quốc và một số thị trường lớn khác như ASEAN, Ấn Độ và EU. Điều này cho thấy thị trường Hàn Quốc còn nhiều tiềm năng mở rộng, đặc biệt là nhu cầu nguyên liệu trong lĩnh vực lốp xe và công nghiệp chế biến cao su.

Tuy nhiên, xung đột tại Trung Đông và nguy cơ gián đoạn vận tải qua eo biển Hormuz có thể đẩy chi phí logistics và giá dầu tăng cao, gây áp lực lên chuỗi cung ứng toàn cầu. Nếu tình hình kéo dài, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Hàn Quốc có thể chịu tác động từ chi phí đầu vào tăng và biến động giá ngắn hạn.



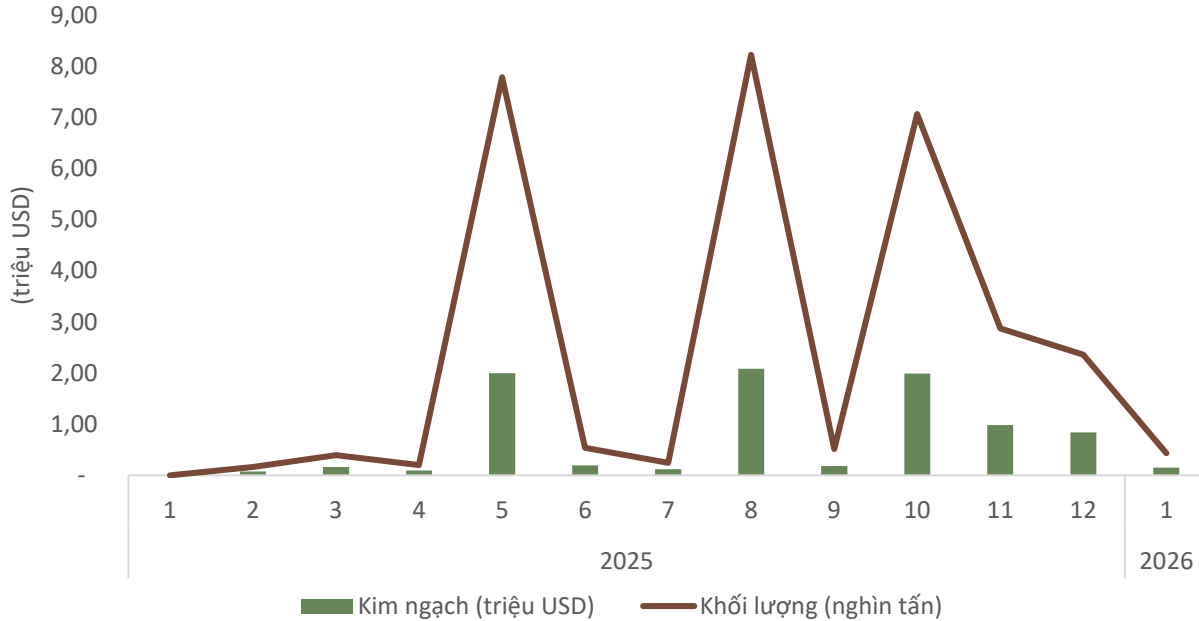
Tin liên quan

Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam



SẺ VÀ SẢN PHẨM TỪ SẺ

Khối lượng và giá trị sản và sản phẩm từ sản XK sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Kết quả XK sản và sản phẩm từ sản sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026

KIM NGẠCH

0,15 triệu USD

↘ Giảm **81,8%** so với T12/2025

↗ Tăng **100%** so với T1/2025

↓ Thấp hơn **0,64 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

* Tháng 01/2026 đạt **152 nghìn USD**, đạt **1%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

434 tấn

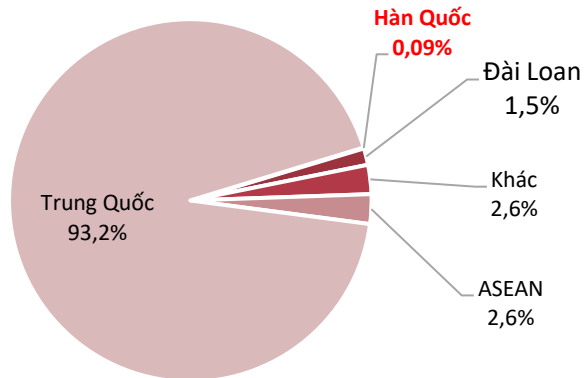
↘ Giảm **81,6%** so với T12/2025

↗ Tăng **100%** so với T1/2025

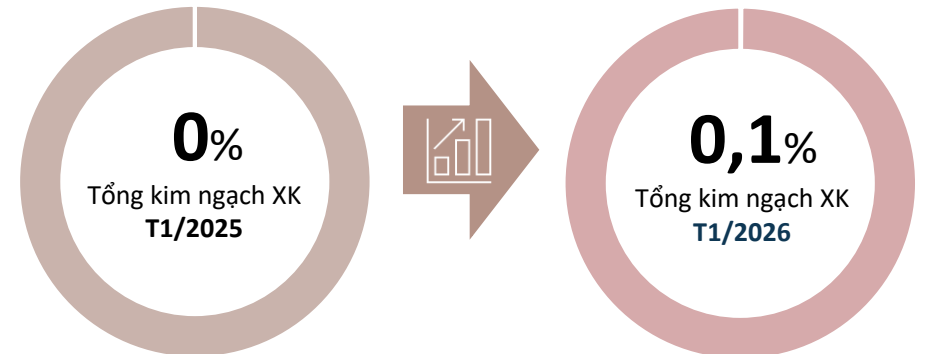
↓ Thấp hơn **2,3 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025

* Tháng 01/2026 đạt **434 tấn**, đạt **1%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị sản và sản phẩm từ sản sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



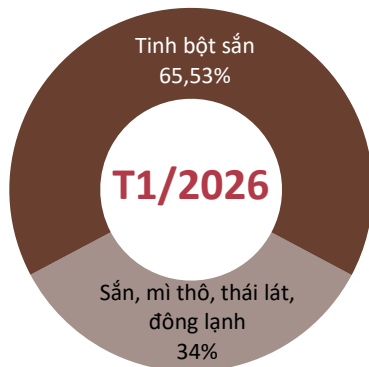
Biến động tỷ trọng giá trị sản & sản phẩm từ sản sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



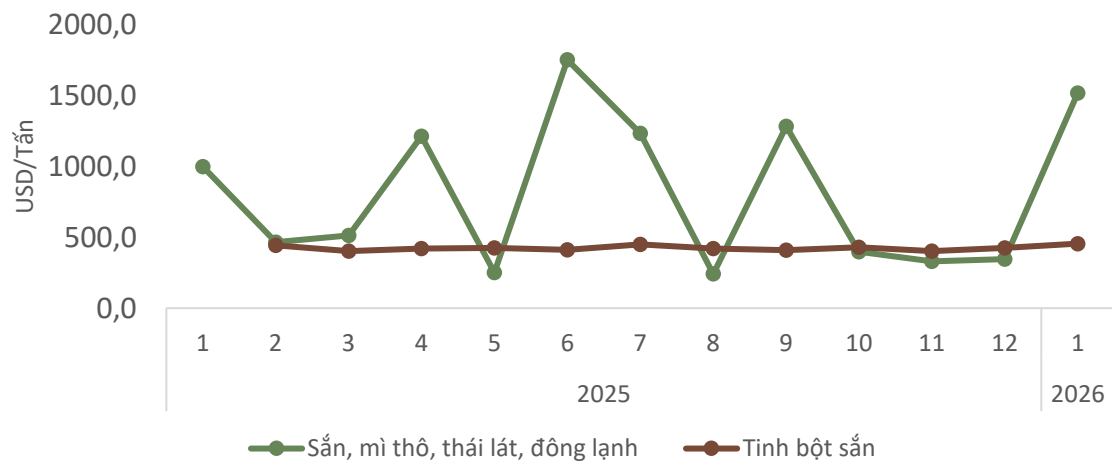


SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

Cơ cấu chủng loại sản và SP từ sản XK sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Giá sản và SP từ sản XK bình quân sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Tinh bột sản

Kim ngạch: **99,6** nghìn USD

Giảm **81,8%** so với T12/2025

Tăng **100%** so với T1/2025



Sản thô, thái lát, đông lạnh

Kim ngạch: **52,4** nghìn USD

Giảm **90,9%** so với T12/2025

Tăng **100%** so với T1/2025

Sản thô, thái lát, đông lạnh

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2026 ở mức **1.516** USD/tấn; **tăng 339%** so với tháng trước.

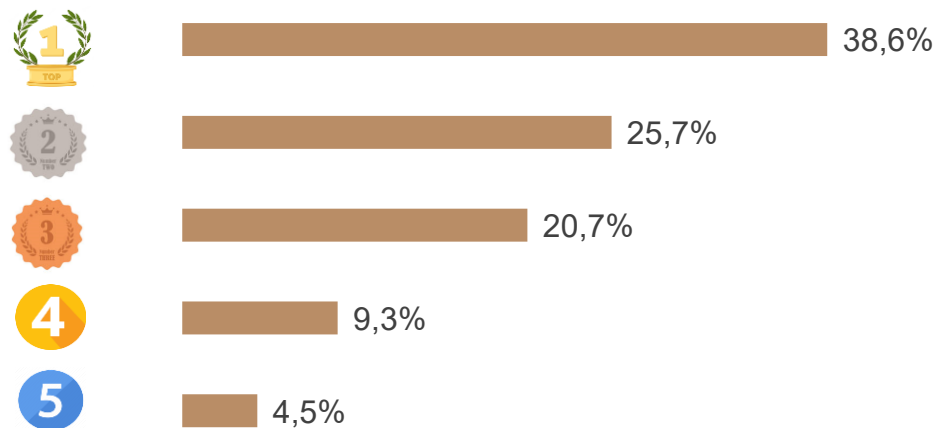
Tinh bột sản

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2026 ở mức **455** USD/tấn; **tăng 6,9%** so với tháng trước.

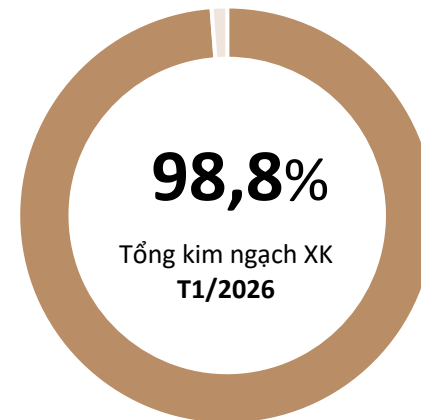


SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

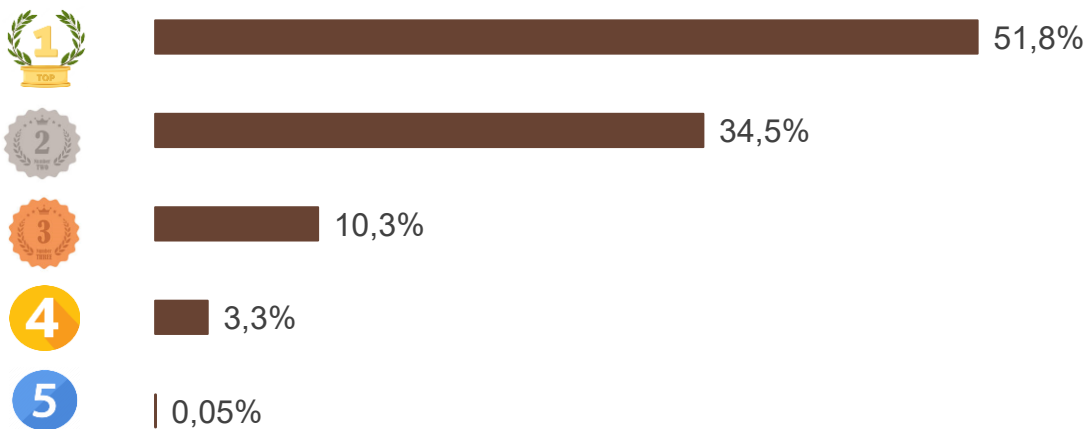
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



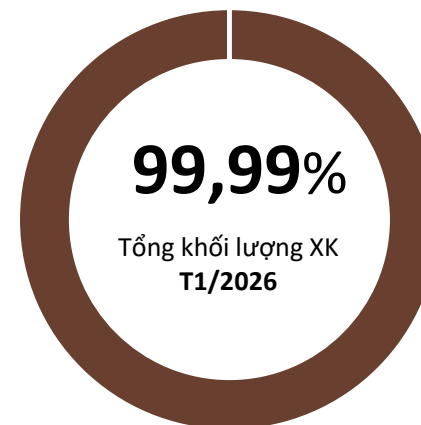
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



TOP 5 DN về khối lượng XK sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sang thị trường Hàn Quốc, T1/2026





SẴN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẴN

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG SẴN VÀ SP TỪ SẴN HÀN QUỐC



Xuất khẩu sắn và sản phẩm từ sắn của Việt Nam sang Hàn Quốc giảm mạnh trong tháng 01/2026

Tháng 01/2026, xuất khẩu sắn và sản phẩm từ sắn của Việt Nam sang Hàn Quốc đạt khoảng 0,15 triệu USD, với khối lượng 434 tấn, giảm tương ứng 81,8% và 81,6%. Hàn Quốc chỉ chiếm khoảng 0,1% tổng kim ngạch xuất khẩu sắn và sản phẩm từ sắn của Việt Nam.

Trong thời gian tới, khả năng mở rộng thị phần tại Hàn Quốc sẽ phụ thuộc vào nhu cầu của ngành chế biến thực phẩm và công nghiệp tại nước này, cũng như năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng của doanh nghiệp Việt Nam.

Ngoài ra, xung đột căng thẳng tại Trung Đông có thể làm gia tăng giá năng lượng, chi phí vận tải và logistics toàn cầu, qua đó tác động gián tiếp đến hoạt động xuất khẩu nông sản, bao gồm sắn và các sản phẩm từ sắn.



TIN LIÊN QUAN



ISPAE

AGREINFOS

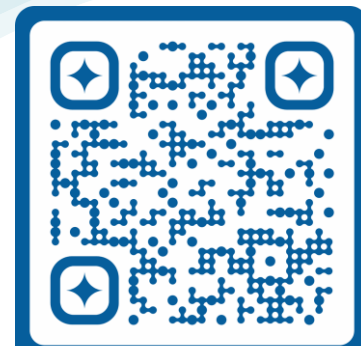
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinhitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo